

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2020

V/v: “Ly hôn giữa ông V và bà Th”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mạnh.

2. Bà Đoàn Thị Liễu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: bà Đồng Thanh Lam. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Quốc V, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Số 901A, đường N T T, phường A B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú 1: Số 901A, đường N T T, phường A B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ cư trú 2: P1-05, đường 3/2, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phan Quốc V trình bày: Ông V và bà Th tự tìm hiểu quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến tháng 06/2017 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND phường A B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/6/2017.

Lý do ông V yêu cầu xin ly hôn: Ông V cho rằng do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt thường ngày. Bà Th thường xuyên bỏ bê gia đình, mọi việc trong gia đình đều do ông V tự lo liệu; vợ chồng thiếu quan tâm chăm sóc và thông cảm cho nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên ông V, bà Th đã tự ly thân với nhau từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông V xác nhận có 04 người con chung tên: Phan Quốc A, sinh năm 1989; Phan Thị Thu H, sinh năm 1990; Phan Thị Thu T, sinh năm 1994 và Phan Thị Thảo N, sinh năm 2004.

Về tài sản chung: Ông V, bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xét xử và tại phiên tòa ông V yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông V yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Các con chung gồm: Phan Quốc A; Phan Thị Thu H và Phan Thị Thu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản trình bày nguyện vọng ngày 01/10/2020, người con tên Phan Thị Thảo N, sinh ngày 19/7/2004 có nguyện vọng muốn được sống với cha là ông V. Ông V yêu cầu được nuôi người con tên Phan Thị Thảo N và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông V, bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của ông V đối với bà Th.

Tòa án có triệu tập bà Th để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng bà Th vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng bà Th cố tình lẩn tránh không đến Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa ông V xác nhận, ông V và Th tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 1989, đến ngày 19/6/2017 ông V, bà Th tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND phường A B, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/6/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà Th được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông V, Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng ông V, bà Th không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình giữa ông V và bà Th, nhưng bà Th cố tình lánh mặt không đến Tòa án, điều đó cho thấy bà Th cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn tình cảm với ông V. Ông V và bà Th cũng đã ly thân với nhau từ tháng 10/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà Th đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V được ly hôn với bà Th.

[4] *Về con chung*: Những người con chung gồm: Phan Quốc A; Phan Thị Thu H và Phan Thị Thu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Tại Biên bản trình bày nguyện vọng ngày 01/10/2020, người con tên Phan Thị Thảo N, sinh ngày 19/7/2004 có nguyện vọng muốn được sống với cha là ông V.

Xét thấy, người con chung tên Phan Thị Thảo N hiện do ông V đang trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình trông nom, nuôi dưỡng ông V đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người cha đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt, cũng như tôn trọng nguyện vọng người con chung của ông V, bà Th. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Phan Thị Thảo N, sinh ngày 19/7/2004 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do ông V không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Ông V, bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[7] *Tòa án có triệu tập* bà Nguyễn Thị Th để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà Th cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông V. Trường hợp bà Th có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông V phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phan Quốc V và bà Nguyễn Thị Th.
2. Về con chung: Những người con, gồm: Phan Quốc A; Phan Thị Thu H và Phan Thị Thu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Giao người con chung tên Phan Thị Thảo N, sinh ngày 19/7/2004 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Ông V, bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Ông V phải nộp 300.000 đồng. Ông V đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001849, ngày 25/02/2020 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên ông V được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa